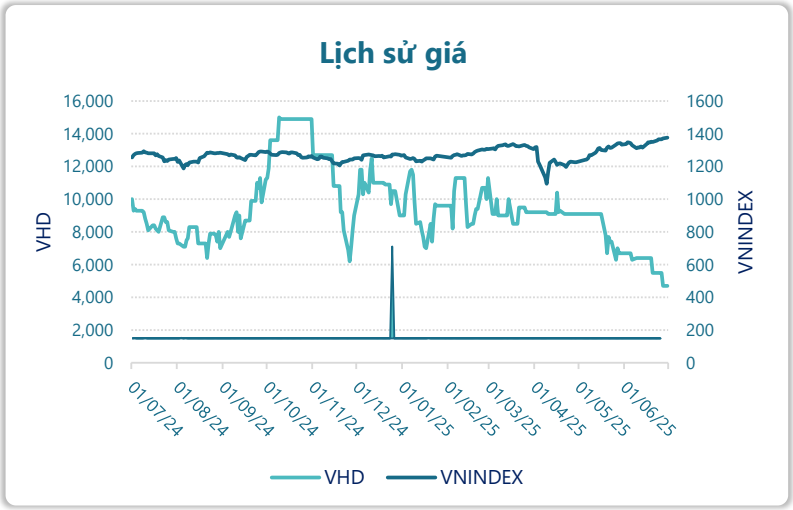
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Vinahud (UPCOM: VHD)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,700
SL cổ phiếu LH	38,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,405
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	179
P/E	-1.4
EPS	-3,295

DT thuần

Q2/25

1.55

tỷ VNĐ

QoQ: ▼18.9| -92.4%

YoY: ▼67.9| -97.8%

LN sau thuế

Q2/25

-33.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.80| -36.3%

YoY: ▲ 25.8| 43.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-1113%

+/- YoY: ▼ 1111%

DT thuần

6T 2025

22.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼97.0| -81.6%

LN sau thuế

6T 2025

-57.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 52.6| 48.0%

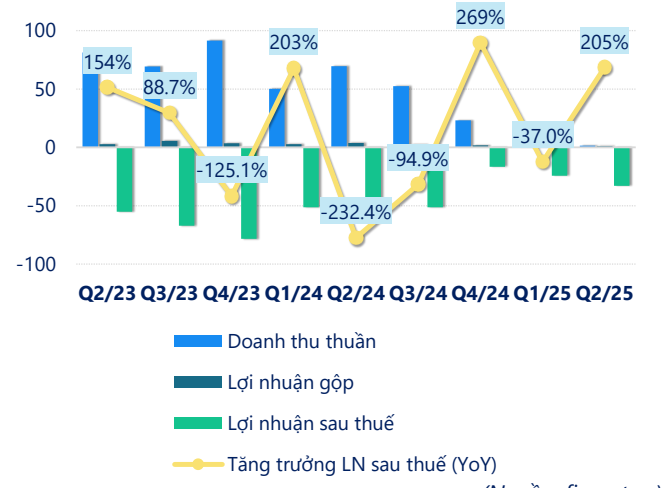
ROE

Q2/25

-148%

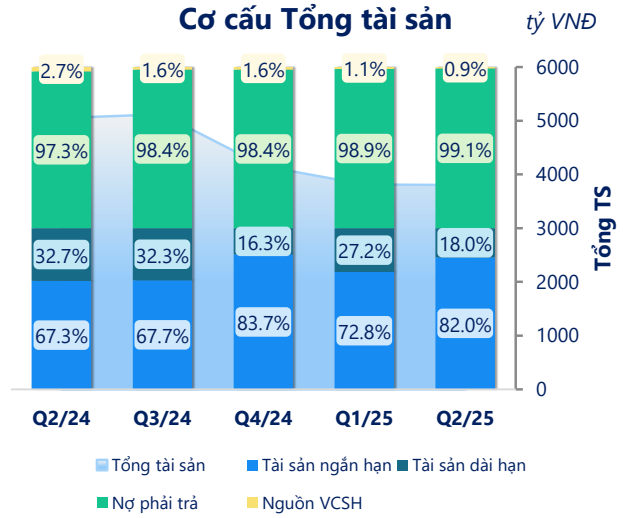
+/- YoY: ▼ 44.4%

Kết quả kinh doanh



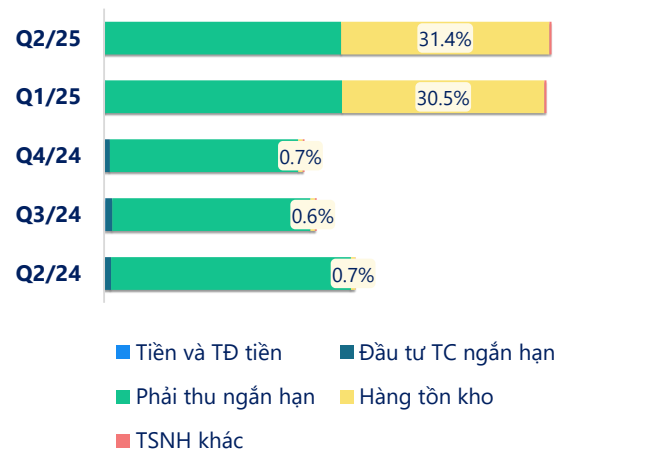
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



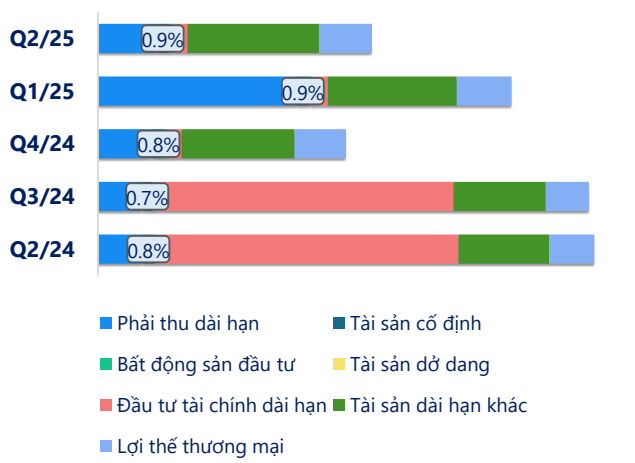
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



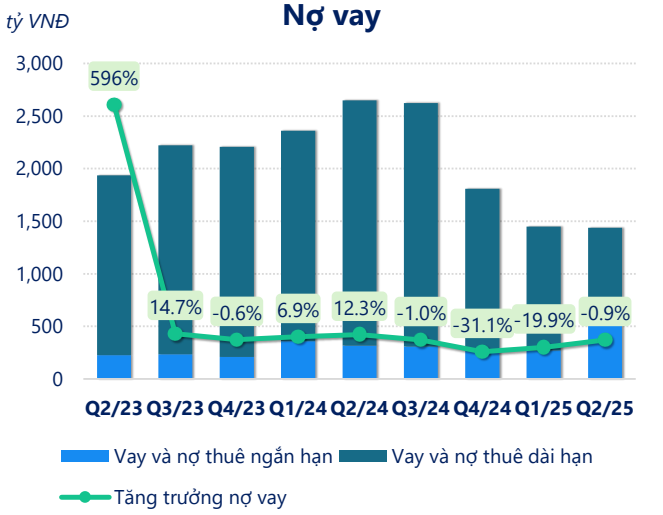
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



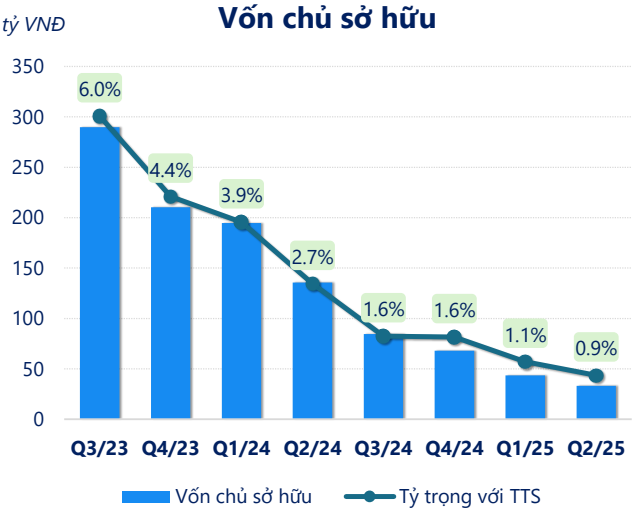
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



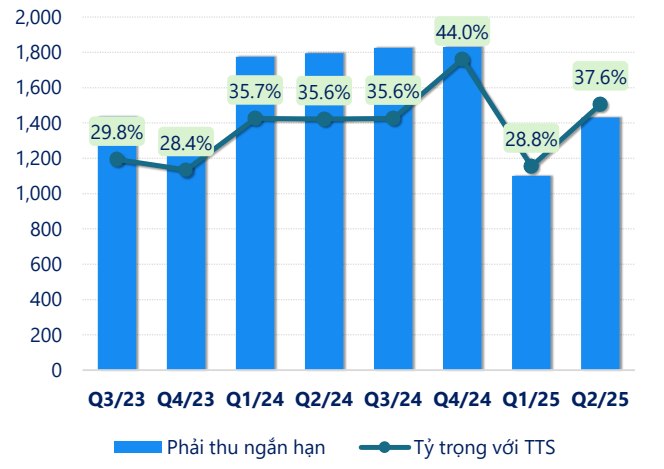
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



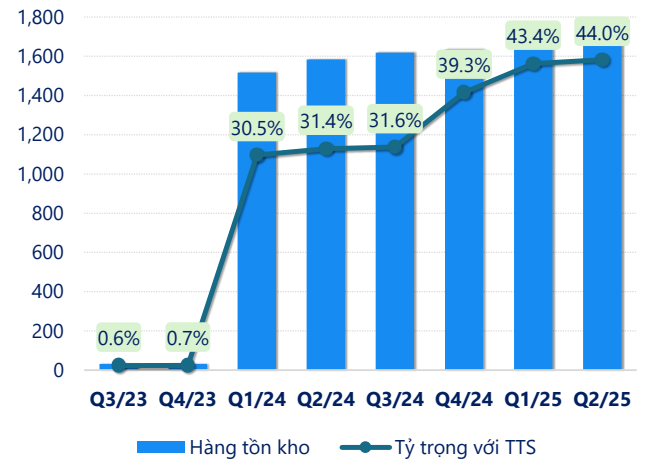
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



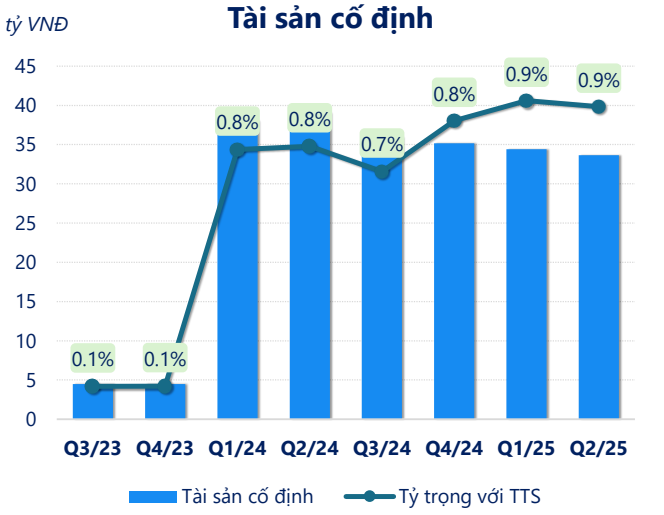
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



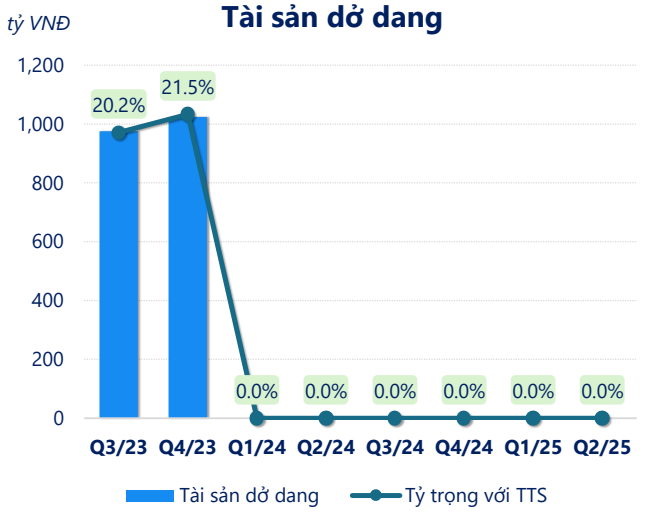
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



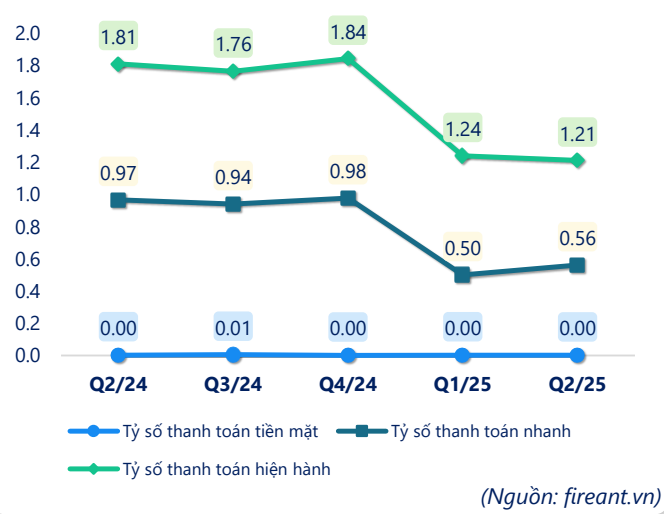
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



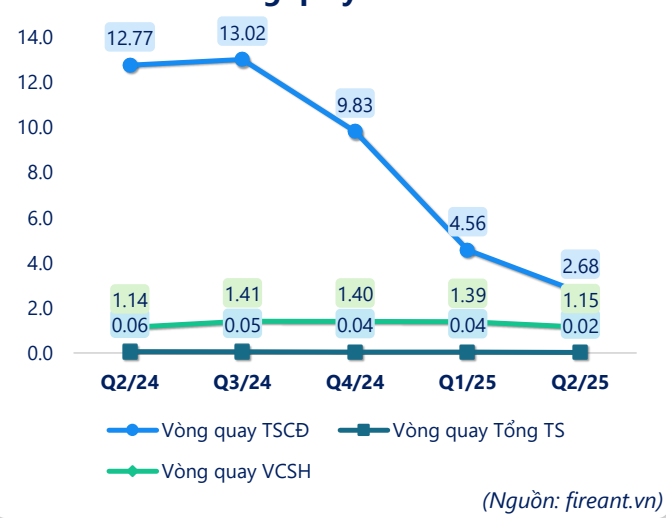
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**5,048**	**5,121**	**4,160**	**3,814**	**3,801**
Tài sản ngắn hạn	**3,399**	**3,467**	**3,481**	**2,776**	**3,115**
Tiền và tương đương tiền	4.92	11.1	1.31	5.16	3.13
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.29	0.29	0.29	0.29	0.29
Phải thu ngắn hạn	1,795	1,825	1,830	1,100	1,431
Hàng tồn kho	1,584	1,618	1,635	1,656	1,671
Tài sản ngắn hạn khác	15.4	13.0	13.2	14.6	10.1
Tài sản dài hạn	**1,649**	**1,655**	**679**	**1,038**	**686**
Phải thu dài hạn	148	148	148	497	145
Tài sản cố định	39.0	35.9	35.2	34.4	33.7
Bất động sản đầu tư	8.45	10.5	10.3	10.1	9.83
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	1,002	1,004	35.0	35.3	35.0
Tài sản dài hạn khác	301	311	310	324	329
Lợi thế thương mại	150	146	141	137	133
Nợ phải trả	**4,913**	**5,037**	**4,092**	**3,770**	**3,768**
Nợ ngắn hạn	**1,877**	**1,965**	**1,888**	**2,238**	**2,572**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	318	309	279	272	563
Phải trả người bán ngắn hạn	151	191	152	143	129
Nợ dài hạn	3,036	3,072	2,204	1,532	1,196
Vay và nợ thuê dài hạn	2,331	2,314	1,529	1,177	874
Nguồn vốn chủ sở hữu	**136**	**84.5**	**67.9**	**43.6**	**33.1**
Vốn chủ sở hữu	**136**	**84.5**	**67.9**	**43.6**	**33.1**
Vốn điều lệ	380	380	380	380	380
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)